TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39/2018/QĐST -HNGĐ	*Mường Ảng, ngày 26 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 53/2018/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2018 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" giữa:

- **Nguyên đơn**: Chị Lò Thị H, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Bản B, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

- **Bị đơn**: Anh Lường Văn H1, Tk: Lường Văn H2, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Bản B, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào điều 212, 213 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điều 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84 và điều 86 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ vào điều 147 BLTTDS; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18/7/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Lò Thị H và anh Lường Văn H1 (H2).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Chị H và anh H1 (H2) có 02 người con chung là:

1. Cháu Lường Văn T, sinh ngày 05/02/1999.
2. Cháu Lường Văn Đ, sinh ngày 15/02/2005.

Chị H và anh H1 (H2) thỏa thuận việc giao nuôi con chung: Chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lường Văn Đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, còn cháu Lường Văn T đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H1 (H2) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H1 (H2) có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản anh H1 (H2) thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3 Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung thu về; nợ chung phải trả: Chị H và anh H1 (H2) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Chị H và anh H1 (H2) mỗi người phải chịu 75.000^{đ} (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng chị H và anh H1 (H2) là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS Mường Ảng;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân